

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2024

Về việc "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nghi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Minh Lắm.

Bà Đoàn Thảo Nhi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Hên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 150/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 20, xã N, huyện U, tỉnh C.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 20, xã N, huyện U, tỉnh C..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2024, bà Võ Diễm My trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2016, được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, không có tiếng nói chung, không có sự

quan tâm, tôn trọng, nhường nhịn nhau mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng gay gắt trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay bà không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn L, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về nuôi con chung: Bà và ông Nguyễn Văn L có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 23/01/2016 hiện đang do bà ông L trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông L nuôi và không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

\* *Tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 6 năm 2024, ông Nguyễn Văn L trình bày:* Ông và bà Lê Thị V kết hôn với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn nhưng ông không biết lý do vì mà vào ngày mùng 05/01/2022 âm lịch bà V bỏ nhà đi cho đến nay. Giờ bà V yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Thị V.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị V có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 23/01/2016. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

\* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị V về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

+ Về con nuôi con chung: Giao giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo Châu, sinh ngày 23/01/2016 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị V khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L, địa chỉ cư trú: Ấp 20, xã N, huyện U, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 19/4/2024, bà Lê Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/6/2024, ông Nguyễn Văn L đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà V, ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị V và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà V và ông L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà V xác định trong quá trình chung sống không được hạnh phúc và không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu ly hôn. Ông Nguyễn Văn L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng bà V đã bỏ đi hơn 01 năm nay nên ông L cũng đồng ý ly hôn. Từ đó, cho thấy thuận giữa bà V và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Mặt khác, hiện bà V và ông L không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay nên yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị V là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị V về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Cho bà Lê Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn L (bà V và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 121/2017 ngày 06/7/2017).

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Lê Thị V và ông Nguyễn Văn L có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 23/01/2016. Bà Lê Thị V đồng ý giao cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi, ông Nguyễn Văn L cũng đồng ý trực tiếp nuôi con. Đồng thời, tại đơn trình bày ý kiến ngày 19/6/2019 con chung tên Nguyễn Thị Bảo C có nguyện vọng được ở với ông L. Đó đó, tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 23/01/2016 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng với con chung.

Bà Lê Thị V không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở bà V thực hiện quyền này nhưng bà V

cũng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của ông Nguyễn Văn L.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn L không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng. Ngày 16 tháng 4 năm 2024, bà V đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006374 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà Lê Thị V và ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 19, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị V về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Cho bà Lê Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn L (bà V và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 121/2017 ngày 06/7/2017).

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 23/01/2016 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng với con chung.

Bà Lê Thị V không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở bà V thực hiện quyền này nhưng bà V

cũng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của ông Nguyễn Văn L.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng. Ngày 16 tháng 4 năm 2024, bà V đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006374 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

Bản án sơ thẩm bà Lê Thị V và ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Nghi**